

B, ngày 26 tháng 9 năm 2024

Số:477/2024/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 442/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2024 về việc: “Yêu cầu công nhận T ận tình ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**\* Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:**

**Chị Kiều Thị T, sinh năm 1993;**

HKTT+ cư trú: Thôn 6, xã T, huyện B, thành phố H.

**Anh Trần Văn H, sinh năm 1991;**

HKTT+ cư trú: Tổ 16, phường P, quận B, thành phố H.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 18/9/2024, các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa T ận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc hôn nhân và gia đình, sự thỏa T ận của các đương sự cụ thể như sau:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Kiều Thị T và anh Trần Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Phú Diễn, quận B, H ngày 22/4/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu T ẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cách sống, vợ chồng không hòa hợp nên thường xuyên cãi vã. Hai bên đã tìm mọi cách để cải thiện quan hệ vợ chồng nh không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người ở một nơi và không còn quan tâm tới nhau. Đến nay anh chị xác định tình cảm, mâu T ẫn không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án công nhận T ận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Chị Kiều Thị T và anh Trần Văn H xác định có một con chung là cháu Trần Ngọc L, sinh ngày 14/10/2019. Khi ly hôn anh, chị thỏa T ận để anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị Trần Thị T tự

nguyên cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 10 năm 2024 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Chị T quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[3]. Về tài sản chung, nhà đất, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí: Chị Kiều Thị T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa T ận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Kiều Thị T và anh Trần Văn H T ận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Chị Kiều Thị T và anh Trần Văn H xác định có 01 con chung là cháu Trần Ngọc L, sinh ngày 14/10/2019. Khi ly hôn anh, chị thỏa T ận để anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị Trần Thị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 10 năm 2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Chị T quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

- **Về tài sản chung, nhà chung:** không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

- **Về lệ phí:** Chị Kiều Thị T tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí do chị T đã nộp theo biên lai số 0021907 ngày 18/9/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố H.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhân:**

- Các đương sự;
- VKSND quận B ;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu HS-VP.

**THẨM PHÁN**

**Lê Thị Tuyết**